

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ SAU 20 NĂM ĐỔI MỚI

*GS. Đỗ Quốc Sam*

## I- HIỆN TRẠNG VẤN ĐỀ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

### 1- Hình thành đường lối CNH, HĐH

Chính sách CNH ở nước ta đã được nêu ra từ lâu, nó là quá trình tự nhiên và không thể lẫn tránh trên con đường phát triển của Việt Nam cũng như của các nước khác trên thế giới. Tuy nhiên, đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng (1/1994) vấn đề CNH gắn kết với HĐH mới chính thức được đề xuất, khi nêu lên những thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế xã hội “*đã và đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*”, kèm theo là 7 nhiệm vụ kinh tế - xã hội cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ Đại hội VII.

Tiếp theo Hội nghị giữa nhiệm kỳ, nghị quyết Hội nghị TW 7 khoá VII (7/1994) đã cụ thể hoá bước đầu ý tưởng CNH, HĐH nêu trên, đi đến hình thành một đường lối CNH, HĐH cho đất nước với một định nghĩa CNH, HĐH, mục tiêu và quan điểm CNH, HĐH, các chủ trương phát triển công nghiệp và khoa học, công nghệ cùng các chính sách và biện pháp CNH, HĐH.

CNH, HĐH được hiểu là “*quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học- công nghệ, tạo ra năng xuất lao động xã hội cao*”.

Mục tiêu và các quan điểm CNH, HĐH nêu ra trong nghị quyết TW7 (khóa VII) về sau đã được chuẩn xác hoá và chính thức hoá trong văn kiện Đại hội VIII (1996).

Đại hội VIII đã khẳng định những yếu tố cơ bản của đường lối CNH, HĐH của Việt Nam. Trong khi xác định mục tiêu thời gian, từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, và nhiệm vụ trước mắt là đẩy mạnh CNH, HĐH (năm 1994 nêu đẩy tới một bước CNH), Đại hội VIII đã tái khẳng định: “*Mục tiêu của CNH, HĐH là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*”. Bên cạnh đó, Đại hội cũng phác thảo một cách định tính những mục tiêu cụ thể về cơ cấu kinh tế, khoa học công nghệ, quan hệ sản xuất, đời sống vật chất và văn hoá v.v. với một chỉ tiêu định lượng duy nhất cho năm 2020 là GDP tăng từ 8 đến 10 lần so với năm 1990.

6 quan điểm về CNH, HĐH đã được thông qua : độc lập tự chủ đi đôi với hợp tác quốc tế; CNH, HĐH là sự nghiệp của toàn dân; nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho phát triển nhanh và bền vững; khoa học và công nghệ là động lực của CNH, HĐH; lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm tiêu chuẩn phát triển; kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh.

Nhiều chủ trương, chính sách trong nghị quyết Đại hội VIII tuy xác định cho kế hoạch 5 năm 1996-2000, song có ý nghĩa định hướng cho thời gian dài hơn.

Đến Đại hội IX, đường lối CNH, HĐH được xây dựng từ Đại hội VIII đã được cụ thể hoá trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm đến 2010, trong đó có bao hàm

phần chiến lược CNH, HĐH giai đoạn 2001-2010. Chiến lược 10 năm đề ra nhiệm vụ “*tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại*” (nhấn mạnh ý theo hướng hiện đại).

Đại hội IX đã bổ sung, hoàn thiện nhiều quan điểm về CNH, HĐH, hoàn chỉnh đường lối CNH, HĐH và hình thành định hướng chiến lược CNH, HĐH. Văn kiện Đại hội đề ra yêu cầu tìm con đường CNH, HĐH “*rút ngắn thời gian*”, nhấn mạnh đến trình độ công nghệ tiên tiến, từng bước phát triển kinh tế tri thức trong điều kiện CNH gắn với HĐH ngay từ đầu và trong suốt các giai đoạn phát triển.

Trong bối cảnh trong nước và quốc tế mới, Đại hội IX đã nhấn mạnh yêu cầu phát triển vừa nhanh, vừa bền vững; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ nhưng chủ động hội nhập quốc tế; đề cao vai trò của giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ là nền tảng và động lực của CNH, HĐH; đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn là nhiệm vụ lớn và cấp thiết của quá trình CNH, HĐH.

Như vậy, quá trình hình thành đường lối CNH, HĐH có thể tóm tắt như sau:

1994. Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII: Khởi động (lại) quá trình CNH với ý tưởng CNH, HĐH gắn kết với nhau.

1996. Đại hội VIII: Hình thành đường lối CNH, HĐH thời kỳ mới.

2001. Đại hội IX: Hoàn thiện đường lối CNH, HĐH, xây dựng bước đầu chiến lược CNH, HĐH.

## **2. Kết quả thực hiện CNH, HĐH**

Qua 10 năm thực hiện, đến nay đã đạt được nhiều kết quả quan trọng:

- Công nghiệp phát triển liên tục với tốc độ khá cao (trên 10%/năm) bao gồm cả công nghiệp khai thác, chế biến, chế tác.

- Nông nghiệp đã đi vào vòng chuyển dịch cơ cấu theo hướng CNH, HĐH. Vấn đề CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn đã được đề cập nhiều và đang tiếp tục nghiên cứu giải pháp.

- Chính sách khoa học và công nghệ : đã tìm hướng đổi mới quản lý khoa học, công nghệ và tìm hiểu về kinh tế tri thức, dọn đường đưa khoa học, công nghệ (cùng với giáo dục đào tạo) đóng vai trò nền tảng và động lực của CNH, HĐH.

- Các mặt hoạt động khác (cải cách hành chính, cải cách thể chế kinh tế, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, v.v.) đang được triển khai , có những kết quả rõ rệt.

Tuy nhiên, nếu so sánh với mục tiêu chiến lược đến năm 2010 “*tạo được nền tảng để năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại*” thì phần việc mấy năm qua thực hiện còn chậm trễ và thiếu đồng bộ:

- Đã qua 1/2 thời kỳ chiến lược và nếu tính từ năm 1994 đề xuất nhiệm vụ CNH, HĐH đến nay đã hơn 10 năm, nhưng một số vấn đề mấu chốt về CNH, HĐH (sẽ nêu ở dưới) vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm hơn dự kiến, kể cả cơ cấu ngành, cơ cấu công nghệ v.v. Những chuyển dịch cơ cấu này cũng chính là những thước đo tổng hợp của kết quả thực hiện CNH, HĐH. Hiện còn những vấn đề đang lúng túng, mới chỉ rõ về phương hướng nhưng không cụ thể về giải pháp, thí dụ như công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, gắn kết công nghệ mới, công nghệ cao vào phát triển công nghiệp, mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ v.v.

- Nói chung, trong tổ chức thực hiện, vẫn thiếu một cái nhìn bao quát về các khía cạnh liên quan đến nhau trong đường lối CNH, HĐH. Tuy trong chủ trương có nêu, các điều kiện tiền đề của CNH, HĐH ta còn chưa hội đủ, vì vậy phải vừa tiến hành CNH, HĐH, vừa tiếp tục tạo các tiền đề cần thiết tương ứng với từng giai đoạn phát triển, song trong thực tế không có biện pháp cụ thể. Những mối quan hệ giữa CNH và HĐH, giữa kinh tế và công nghệ, giữa kinh tế, công nghệ và các mặt văn hoá, xã hội khác, giữa CNH, HĐH và hội nhập quốc tế v.v. chưa được tổ chức nghiên cứu và có chính sách tích cực để hoàn chỉnh và thực hiện. Nói chung các bước đi của cả quá trình CNH, HĐH chưa được làm rõ, để có thể trong mỗi bước đi gắn kết CNH với HĐH, kinh tế với công nghệ, vừa thực hiện vừa tạo thêm tiền đề v.v. Công việc mang tính chiến lược và quy hoạch này cần phải tiếp tục nghiên cứu, nhất là trong điều kiện chúng ta vừa còn thiếu những tiền đề thuận lợi, lại vừa chủ trương CNH, HĐH rút ngắn thời gian.

### **3- Một vài đánh giá bước đầu**

Trong 10 năm qua, từ lúc nêu ra ý tưởng mới về CNH, HĐH (1994), hình thành đường lối CNH, HĐH (1996) cho thời kỳ mới, hoàn thiện đường lối và cụ thể hoá một bước (2001) trong Chiến lược phát triển 10 năm, chúng ta có thể khẳng định được những đánh giá bước đầu sau:

- Sau khi cơ bản vượt qua được khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài, năm 1994 chúng ta đề xuất đẩy tới một bước quá trình CNH là kịp thời, đúng lúc; mặc dù các điều kiện tiền đề còn chưa đầy đủ, nhưng thời cơ phát triển nhanh, đuổi kịp các nước không thể bỏ lỡ.

- Trong bối cảnh đổi mới kinh tế trong nước, toàn cầu hoá và phát triển khoa học công nghệ trên thế giới, chủ trương gắn kết CNH và HĐH vào một quá trình, ngay từ đầu và trong suốt các giai đoạn phát triển là đúng đắn và khả thi, có thể bảo đảm cho yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Từ đó, có cơ sở để đưa ra quan điểm CNH rút ngắn thời gian, tuy việc cụ thể hoá quan điểm đó vẫn cần nghiên cứu tiếp.

- Trong việc triển khai thực hiện CNH, HĐH, việc coi trọng vấn đề CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn (nhất là trong giai đoạn đầu) và đẩy nhanh phát triển khoa học và công nghệ là xác đáng, đây cũng là những vấn đề khó giải quyết trong các nhiệm vụ CNH, HĐH ở nước ta.

- Những công việc đã triển khai thực hiện theo hướng CNH, HĐH tuy có chậm trễ và thiếu đồng bộ, song đã mang lại, hoặc hứa hẹn mang lại, nhiều kết quả tích cực. Điều này cũng chứng tỏ đường lối CNH, HĐH đề ra là đúng hướng và khả thi, cần tiếp tục hoàn chỉnh và đẩy mạnh.

Mặc dầu đã đạt được nhiều thành tích trong hơn 10 năm qua, song cả về lý luận và thực tiễn còn cần cập nhật, rút kinh nghiệm và làm rõ một số vấn đề về CNH, HĐH để trong thời gian tới có thể thực sự đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH trong khi thời gian cần phải trở thành một nước công nghiệp không còn xa nữa.

Có thể có mấy vấn đề đáng suy nghĩ:

a/ Về khái niệm và đặc thù của CNH, HĐH ở Việt Nam. Năm 1994, Hội nghị TW7 (khoá VII) đã đưa ra một định nghĩa khá toàn diện và nêu một vài tính đặc thù của Việt Nam, song đến nay nhận thức của chúng ta về phát triển, CNH, kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế v.v. qua các kỳ Đại hội VIII và IX đã có nâng cao và tình hình kinh tế, công nghệ thế giới và khu vực đã có nhiều biến chuyển rất nhanh chóng, vì vậy khái niệm về CNH, HĐH cần được cập nhật lại. Cùng với khái niệm chung, cũng cần làm rõ về mô hình, điều kiện tiền đề, phương thức thực hiện v.v.

b/ Về tiêu chí của một nước công nghiệp: Nghị quyết Đại hội VIII đã nêu ra yêu cầu “từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp” và nghị quyết Đại hội IX lại nhắc lại mục tiêu đó và bổ sung thêm yêu cầu “theo hướng hiện đại”. Song cho đến nay, chưa có tài liệu nào của chúng ta xác định thế nào là một nước công nghiệp, một nước công nghiệp theo hướng hiện đại và thế nào là cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Nếu không làm rõ vấn đề này, ít nhất là về những tiêu chí chính, thì sẽ không làm rõ được yêu cầu của Đại hội IX đặt mục tiêu năm 2010 “tạo nền tảng” để đến 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp và không có cơ sở để các Đại hội sắp tới xác định mục tiêu tương đối cụ thể cho các năm 2015 và 2020.

c/ Về việc gắn kết CNH và HĐH, Nghị quyết Đại hội IX đã nêu “Công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá ngay từ đầu và trong suốt các giai đoạn phát triển”, coi như cùng một quá trình vừa công nghiệp hoá, vừa hiện đại hoá. Tuy nhiên, gắn kết như thế nào, bằng biện pháp gì, trong từng giai đoạn (10 năm, 5 năm) ra sao thì chiến lược phát triển 10 năm 2001-2010 chưa nêu cụ thể, và tiến trình thực hiện mấy năm qua cũng cho thấy, kinh tế và công nghệ không phải là thực sự đi đều bước, ngay chiến lược 10 năm phát triển khoa học và công nghệ cũng đã thông qua chậm hơn chiến lược kinh tế xã hội 2- 3 năm.

d/ Về CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn: Hiện nay khái niệm về công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn đã được phổ biến chấp nhận và CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn có vai trò đặc biệt quan trọng đối với toàn bộ vấn đề CNH, HĐH, nhất là trong giai đoạn đầu. Tuy nhiên, giải pháp có tính chiến lược để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn vẫn chưa được xác định cụ thể và đồng bộ, hệ thống. Việc chuyển dịch cơ cấu nông, ngư nghiệp trong mấy năm qua đã có kết quả nhất định, song ít nhiều có tính chất “tự phát theo định hướng chung”, thiếu một quy hoạch tổng thể và sự chỉ đạo đồng bộ. Đây cũng là một vấn đề rất phức tạp của chiến lược phát triển, cần tiến hành nghiên cứu đi sâu và sớm giải quyết.

đ/ Về phát triển khoa học, công nghiệp: Hiện nay về nhận thức mọi người đều thống nhất về vai trò nền tảng và động lực của khoa học, công nghệ trong tiến trình CNH, HĐH, song với điều kiện xuất phát thấp của nước ta hiện nay (số lượng cán bộ, chi phí cho nghiên cứu, số lượng bằng phát minh được mua ...v.v chỉ bằng khoảng 1/10 đến 1/100 của các nước xung quanh) thì làm cách nào, chọn giải pháp chiến lược nào để khoa học và công nghệ nhanh chóng và thực sự trở thành nền tảng và động lực của một kiểu công nghiệp hoá rút ngắn còn vài chục năm thì vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Đây là vấn đề “động lực của động lực” mà chiến lược khoa học, công nghệ phải giải đáp.

e/ Về vấn đề chỉ đạo thực hiện: Có cần xây dựng một chiến lược riêng về CNH, HĐH hay chỉ cần có chiến lược phát triển kinh tế xã hội theo đường lối CNH, HĐH ? hoặc theo hướng CNH hoặc HĐH ? Làm thế nào để vừa đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH, vừa tiếp tục tạo thêm những tiền đề cho CNH, HĐH mà giai đoạn đầu còn chưa đầy đủ? Làm thế nào để gắn kết phát triển công nghiệp với phát triển công nghệ, gắn kết kinh tế công nghiệp với kinh tế tri thức? Làm thế nào để luôn luôn tạo ra sự đồng bộ, nhịp nhàng trong dịch chuyển cơ cấu. trong quá trình CNH, HĐH v.v. Những vấn đề về chỉ đạo thực hiện nói trên cần có một sự sắp xếp hợp lý trong không gian và theo thời gian, cần có một quy hoạch khoa học để tạo ra hiệu quả cao nhất, bảo đảm tốc độ nhanh và chất lượng tốt.

g/ Ngoài những vấn đề trên, còn một số đề tài khác có liên quan đến CNH, HĐH như vấn đề phát triển dịch vụ, cải cách thể chế .v.v. song có thể thuộc chủ đề khác nhiều hơn, nên không nêu trong bài viết này.

## II - MỘT SỐ GỢI Ý:

Dưới đây xin nêu một số gợi ý ban đầu về 6 vấn đề đã nêu ở phần trên.

## 1-Nên hiểu công nghiệp hoá và hiện đại hoá ở nước ta như thế nào?

Công nghiệp hoá là chặng đường phát triển tất yếu của các nền kinh tế, đi từ kinh tế tự nhiên, qua kinh tế nông nghiệp, sang kinh tế công nghiệp, đến kinh tế hậu công nghiệp (có thể hiểu là kinh tế tri thức). Nhưng mỗi nước hay nhóm nước có những đặc điểm riêng khác nhau, mỗi thời đại có những điều kiện khác nhau, nên con đường công nghiệp hoá mà mỗi nước lựa chọn cũng không giống nhau. Chẳng hạn như các nước phương Tây thì coi như đã trải qua chặng đường CNH và đang đi trên chặng đường hậu CNH; còn Trung Quốc là nước đã bước vào quy trình CNH khá lâu nên thường không nhắc đến CNH như một chủ trương độc lập, mà thường đặt nó như một giai đoạn của cả quá trình hiện đại hoá còn kéo dài nhiều thập kỷ trong thời gian tới.

Ở nước ta, từ Hội nghị trung ương 7 khoá VII (1994), CNH, HĐH đã có một định nghĩa bước đầu. Từ định nghĩa đó và qua các giải thích tiếp theo (đại hội VIII, đại hội IX), có thể thấy CNH, HĐH ở nước ta gắn kết với nhau trong cùng một quá trình, ngay từ đầu và suốt trong các giai đoạn phát triển; không đơn thuần là phát triển công nghiệp và công nghệ mà cần chuyển biến toàn diện cả sản xuất, kinh doanh, quản lý và cả các mặt xã hội, an ninh; không phải là việc riêng của Nhà nước mà là nhiệm vụ tham gia của toàn dân, toàn xã hội.

Trong bối cảnh mấy năm gần đây, trong khái niệm và nhận thức chung có nhiều tiến triển ảnh hưởng trực tiếp đến quan niệm về CNH, HĐH:

- Từ khái niệm cũ về áp dụng “tiến bộ khoa học – công nghệ” trong định nghĩa CNH, HĐH nêu ở phần trên, chúng ta đã chuyển sang chủ trương đổi mới công nghệ hiện có, đi thẳng vào công nghệ hiện đại đối với các ngành mũi nhọn, nhập khẩu công nghệ mới, hiện đại hoá công nghệ trong quản lý, nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố phát triển, từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta. Đây là một vấn đề quan trọng trong đường lối công nghiệp hoá và hiện đại hoá cần được bổ sung làm rõ.

- Trong các quan điểm chỉ đạo quá trình CNH và HĐH, vấn đề kinh tế đối ngoại lúc đầu (nghị quyết hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII và đại hội khoá VIII) mới nêu ở mức “mở rộng hợp tác quốc tế, xây dựng một nền kinh tế mở”, sang đại hội IX đã thành chủ trương lớn “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”, “không ngừng tăng năng lực cạnh tranh” trong xu thế toàn cầu hoá.

- Quá trình CNH, HĐH đang diễn ra trong thời kỳ chuyển đổi kinh tế sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, tốc độ và chất lượng của CNH, HĐH phụ thuộc rất nhiều vào cuộc đổi mới kinh tế đang được tiến hành cả về bề rộng và nhất là bề sâu.

- Trong khoảng 5-10 năm lại đây, nghiên cứu về CNH và HĐH, về phát triển bền vững và về nền kinh tế mới trên thế giới cũng có những phát triển mới mà chúng ta cần tìm hiểu và cập nhật.

Trên cơ sở những chuyển biến đó, chúng ta có thể làm rõ hơn những đặc điểm của đường lối CNH, HĐH ở nước ta và hình dung ra những đường nét của một mô hình CNH, HĐH trong giai đoạn phát triển mới.

Theo nghĩa hẹp, CNH được hiểu là quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế lấy công nghiệp làm chủ đạo, từ chỗ tỷ trọng lao động nông nghiệp chiếm đa số giảm dần và nhường chỗ cho lao động công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn hơn. Theo nghĩa rộng, CNH là quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế nông nghiệp (hay tiền công nghiệp) sang nền kinh tế công nghiệp, từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp và từ nền văn minh nông nghiệp sang nền văn minh công nghiệp. Nói gọn lại, là quá trình chuyển tiếp từ một xã hội nông nghiệp sang một xã hội công nghiệp (xã hội ở đây được hiểu theo nghĩa rộng), trong đó sự thay đổi về kinh tế được coi là căn bản.

CNH có hai hình thức: thứ nhất là CNH kiểu cổ điển, bắt đầu từ nửa cuối thế kỷ 18 đến giữa thế kỷ 20 với đặc điểm kết hợp CNH với thị trường hoá, đô thị hoá, dân chủ hoá. Các nước phát triển Tây Âu đã hoàn thành quá trình này vào những năm 60 của thế kỷ trước (qua khoảng 200 năm thực hiện một cách tự phát) và các nước gọi là “công nghiệp hoá mới” đã thực hiện một giai đoạn nước rút khoảng 30-40 năm và hoàn thành vào những năm 80-90 thế kỷ 20. Các nước CNH cũ và mới đang trong thời kỳ hậu công nghiệp hay là kinh tế tri thức. Hình thức thứ hai có thể gọi là CNH kiểu mới, ngoài những đặc điểm của CNH cổ điển còn kết hợp với toàn cầu hoá, tin học hoá, phát triển bền vững để tiến lên theo kịp thời đại.

Chu trình CNH có thể chia làm 3 giai đoạn: giai đoạn khởi đầu, giai đoạn phát triển và giai đoạn chuyển tiếp. Giai đoạn phát triển cũng có thể chia ra thành 2 đoạn nhỏ ( cơ bản và hoàn thiện), và giai đoạn chuyển tiếp bắt đầu tiếp cận với yêu cầu của thời kỳ sau, thời kỳ kinh tế tri thức.

Về HÐH, có hai cách hiểu: theo cách hiểu thông thường, HÐH là sự chuyển biến từ tính chất truyền thống cũ sang trình độ tiên tiến, hiện đại, chủ yếu nhờ vào tiến bộ của khoa học, công nghệ. Thí dụ như hiện đại hoá kỹ thuật chế tạo tân dược, hiện đại hoá phương pháp quản lý doanh nghiệp. Theo ý nghĩa về lý luận kinh tế, HÐH được giải thích là quá trình chuyển dịch căn bản từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, kéo dài từ thế kỷ 17 đến ngày nay còn chưa kết thúc, trong đó CNH được coi là giai đoạn đầu của thời kỳ HÐH. Quá trình HÐH đó dựa vào thuyết tiến hoá cho rằng xã hội luôn luôn phát triển từ thấp đến cao, vừa là sự thay đổi về tính chất, vừa là một quá trình được xác định về thời gian.

Trong bài viết này, để tiện xác định ý nghĩa của cụm từ “công nghiệp hoá, hiện đại hoá”, từ “hiện đại hoá” được hiểu gần với nghĩa thông dụng của nó, nghĩa là “quá trình đi từ truyền thống cũ lên trình độ tiên tiến, hiện đại”, tính thời gian ở đây là tương đối, trình độ hiện đại đầu thế kỷ 21(khi chúng ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp) không còn là trình độ của giữa thế kỷ 20 khi các nước phát triển hoàn thành công nghiệp hoá. Cũng có thể tính đến thứ nguyên thời gian trong khái niệm HÐH và coi HÐH diễn tiến thành nhiều đợt, nhiều làn sóng : đợt thứ nhất xảy ra khi xã hội loài người chuyển từ xã hội tiền nông nghiệp (kinh tế tự nhiên) sang xã hội nông nghiệp, đợt thứ hai từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp (kinh tế công nghiệp), đợt thứ ba từ xã hội công nghiệp sang xã hội hậu công nghiệp (kinh tế tri thức); sự tiến hoá sau đó chưa kết thúc nhưng đợt thứ tư sẽ có hình thức và những đặc trưng gì thì vẫn còn là vấn đề còn bỏ ngỏ. Tuy nhiên, có một số đặc điểm chung cho mọi đợt HÐH: đó là động lực chính của HÐH là sự phát triển của khoa học, công nghệ và nền tảng của các quá trình HÐH cho đến nay vẫn là sự chuyển biến của cơ cấu kinh tế thể hiện trên tỷ trọng của nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Kinh tế và công nghệ vẫn là hai yếu tố chính của sự phát triển.

Với ý nghĩa của 2 từ CNH và HÐH như nêu ở trên, có thể hiểu chủ trương “công nghiệp hoá, hiện đại hoá” của chúng ta là sự kết hợp CNH với yêu cầu HÐH vào trong cùng một quá trình, xây dựng một xã hội công nghiệp với trình độ tiên tiến, hiện đại, thích nghi và tiếp cận với nền kinh tế tri thức, xã hội tin học hoá, môi trường toàn cầu hoá. Nội dung trên tương đối phù hợp với quan niệm quốc tế về xu hướng CNH kiểu mới đã nêu ở phần trên, và có thể gọi một cách đơn giản như văn kiện Đại hội IX là “công nghiệp hoá theo hướng hiện đại” mà không cần chú thích thêm như với cụm từ gốc (“công nghiệp hoá, hiện đại hoá”).

Theo quan điểm CNH, HÐH đã hình thành, mô hình công nghiệp hoá theo hướng hiện đại của chúng ta mang theo những đặc điểm sau :

-- CNH gắn với HÐH, đi đôi với tin học hoá, toàn cầu hoá, tiếp cận với trình độ tiên tiến của sự phát triển.

-- CNH đi theo hướng rút ngắn thời gian để trong khoảng vài chục năm nước ta có thể cơ bản trở thành nước công nghiệp.

-- Chúng ta tiến hành CNH theo định hướng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vì vậy cần rất chú trọng cân bằng phát triển kinh tế với phát triển xã hội, văn hoá và con người.

--CNH, HĐH theo hướng phát triển bền vững, bảo vệ và cải thiện môi trường, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên.

-- Tăng cường phát triển khoa học, công nghệ, từng bước xây dựng nền kinh tế tri thức, coi khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo là nền tảng và động lực của tiến trình CNH.

-- Coi trọng CNH nông nghiệp và nông thôn, nhất là trong giai đoạn đầu CNH.

Đoạn giải thích trên có thể bao hàm cả nội dung, đặc trưng chủ yếu, phương thức, tốc độ, phạm vi, căn cứ và trọng tâm trọng điểm của chính sách CNH, mà mỗi khía cạnh đó đều có thể là một chủ đề cần đi sâu nghiên cứu và cụ thể hoá.

## **2. Tiêu chí của công nghiệp hóa và hiện đại hoá**

Văn kiện đại hội VIII nêu “*từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp*” Văn kiện Đại hội IX nêu rõ hơn: “*..... đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”. Song điều chưa rõ là lấy những tiêu chí nào để có thể xếp một nước vào hàng ngũ các nước công nghiệp hay hàng ngũ các nước công nghiệp theo hướng hiện đại và đến đâu thì có thể coi là cơ bản trở thành một nước công nghiệp hay một nước công nghiệp theo hướng hiện đại ?

Đại hội VIII có nêu sơ bộ một số mục tiêu nặng về định tính (trừ tiêu chí GDP tăng gấp 8 đến 10 lần năm 1990) về lực lượng sản xuất, khoa học công nghệ, quan hệ sản xuất, đời sống vật chất và văn hoá và coi là nếu thực hiện được thì sẽ là “*một bước tiến lớn trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*”.

Trong khi cố gắng lượng hoá các tiêu chí đánh giá, cần nghiên cứu, xem xét việc lựa chọn các loại tiêu chí tiêu biểu và ước lượng mức tiêu chí cần đạt, dựa trên một số nguyên tắc nhất định.

Trước hết, không thể (hay rất khó) chọn một tiêu chí tổng hợp tiêu biểu cho công nghiệp hoá theo hướng hiện đại. Mặc dù cơ cấu kinh tế là tiêu chí cơ bản để phân biệt một nền kinh tế công nghiệp với nền kinh tế nông nghiệp, song tỷ trọng công nghiệp không đánh giá được mức độ hiện đại hoá (cơ cấu công nghệ) và bỏ qua phần dịch vụ trong đó có một bộ phận hiện nay không phải nhỏ còn là thô sơ, thủ công, chưa có tính chất công nghiệp. Với nhiều nước công nghiệp hiện nay, tỷ trọng công nghiệp lại có xu hướng giảm dần, nhường cho phần dịch vụ, nhất là dịch vụ công nghệ cao hay dịch vụ cao cấp. Nếu chỉ lấy phần công nghiệp chế tác có công nghệ mới và phần dịch vụ công nghệ cao để xác định tiêu chí CNH và HĐH thì trong thực tế khó bóc tách được ra từ các số liệu thống kê và cũng khó xác định mức sản CNH, HĐH.

Trình tự xác định các tiêu chí đánh giá trình độ CNH, HĐH có thể tham khảo phương pháp luận xây dựng các chỉ tiêu xã hội đã được sử dụng ở các nước : xuất phát từ mục tiêu phát triển cần đạt tới (ở đây là mục tiêu CNH, HĐH), xác định những thứ nguyên (chiều đo) của bài toán, cũng là những nhánh tương ứng với những đặc trưng CNH ở nước ta và từ mỗi nhánh đó lựa chọn những tham số hay chỉ tiêu bằng số có thể diễn đạt một cách định lượng mức độ đạt được của các tham số đặc trưng trên.

Đối chiếu với tình hình của nước ta, việc lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá cần bảo đảm:

-- Thể hiện rõ định hướng và các đặc trưng CNH của Việt nam.

-- Tương hợp với các tiêu chí được dùng rộng rãi trên thế giới để dễ so sánh, đánh giá.

-- Các dữ liệu thống kê của Việt nam và quốc tế có đủ để tính toán các chỉ số định lượng.

-- Đơn giản, thuận tiện, định nghĩa rõ ràng không thể nhầm lẫn.

Theo các yêu cầu trên, có thể sơ bộ nêu ra một danh mục các chỉ tiêu sắp xếp vào mấy nhóm sau:

-- Nhóm chỉ tiêu kinh tế có thể bao gồm :

+ GDP bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương.

+ Tỷ trọng giá trị gia tăng nông nghiệp so với tổng GDP.

+ Tỷ trọng sản phẩm công nghệ mới, công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu.

+ Năng suất lao động bình quân.

-- Nhóm chỉ tiêu xã hội gồm có:

+ Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động.

+ Tỷ trọng dân số đô thị.

+ Tỷ lệ thất nghiệp thực tế đô thị.

+ Chênh lệch thu nhập giữa nhóm cao nhất và nhóm thấp nhất.

-- Nhóm chỉ tiêu tri thức hoá và vốn con người:

+ Chỉ số phát triển con người (HDI).

+ Số sinh viên đại học đang tại trường trên 10000 dân.

+ Tỷ lệ số người có trình độ đại học trở lên trên tổng số người trên 6 tuổi.

+ Số bác sĩ trên 10000 dân.

+ Tỷ lệ kinh phí R&D trong GDP.

+ Kinh phí giáo dục bình quân đầu người.

-- Nhóm chỉ tiêu chất lượng cuộc sống :

+ Suất tăng tự nhiên dân số.

+ Tuổi thọ bình quân.

+ Điện lượng sinh hoạt bình quân đầu người.

+ Số điện thoại trên 100 hộ dân.

+ Số sử dụng internet trên 100 hộ dân.

-- Nhóm chỉ tiêu về sử dụng tài nguyên và cải thiện môi trường:

+ Chi phí bảo vệ và cải thiện môi trường trong GDP.

+ Tỷ lệ chất thải được xử lý.

+ Tỷ lệ sử dụng nước sạch.

+ Lượng nguyên, nhiên liệu cho một đơn vị sản phẩm.

Danh mục những chỉ tiêu đánh giá trình độ CNH còn có thể nhiều hơn nữa, vấn đề này cần được nghiên cứu và chọn lọc kỹ hơn theo các yêu cầu đã nêu ở trên. Đối với mỗi



chỉ tiêu, cần xác định trị số ứng với ngưỡng CNH quốc tế để so sánh với trình độ hiện tại của nước ta, tìm ra mức độ chênh lệch để có chương trình kế hoạch phân đầu đuổi kịp. Ngưỡng CNH có thể chọn tương ứng với trình độ bình quân của các nước phát triển vào những năm 60 của thế kỷ trước hoặc những năm 80 - 90 của những nước công nghiệp hoá mới (NIC). Vì phải so sánh đồng thời nhiều chỉ tiêu và tiến trình CNH mỗi nước một khác nên khó bảo đảm tất cả các chỉ tiêu đều đạt ngưỡng như nhau, do đó cần phân tích các chiều hướng để có kết quả đánh giá thích hợp. Nếu chỉ cần đơn thuần so sánh với các nước đã CNH xem khoảng cách giữa nước ta và các nước đó còn bao xa thì, theo kinh nghiệm nước ngoài, có thể chỉ tính đến 4 chỉ tiêu về CNH cốt lõi: tỷ trọng giá trị gia tăng nông nghiệp trong GDP; tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động; tỷ trọng dân số đô thị trong tổng dân số; giá trị GDP bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương. (Ngưỡng CNH giới hạn dưới tương ứng có thể lấy lần lượt là 15%, 20%, 60% và khoảng hơn 6000 USD). Để đơn giản hoá trong so sánh, cũng có thể sử dụng một chỉ số tổng hợp kém chính xác hơn, bằng cách dùng một số trọng số cho mỗi nhóm chỉ tiêu và mỗi chỉ tiêu với điều kiện tổng số các trọng số của các chỉ tiêu trong một nhóm và của các nhóm trong tổng thể đều bằng 1.

Cũng cần phải nói rõ rằng phương pháp dùng hệ thống chỉ tiêu đánh giá không phải bao giờ cũng cho kết quả đáng tin cậy, có khi còn dẫn đến những kết quả lẫn lộn. Vì một mặt, trong việc đánh giá một tình trạng hay một trình độ phát triển, không thể lượng hoá được hết các yếu tố xem xét, nhất là các đánh giá về chất lượng như chất lượng cuộc sống, chất lượng của sự phát triển; đồng thời số chỉ tiêu sử dụng không thể quá lớn trong khi số biến số của tình hình thực tế lại gần như là vô cùng. Mặt khác, sự chú trọng trong việc lựa chọn tiêu chí và chỉ tiêu, trong cách tính toán các tham số và xác định các trọng số tính toán v.v. không tránh khỏi đưa thêm sai số vào trong bài toán. Vì vậy, cũng nên giữ mức độ thận trọng nhất định trong khi sử dụng các kết quả phân tích chỉ tiêu phát triển, tuy biết rằng khó tìm được phương pháp đánh giá đơn giản hơn và cho kết quả tường minh hơn.

Để có công cụ phân tích có độ tin cậy tốt, việc xác định các chỉ tiêu CNH ở nước ta cần được nghiên cứu một cách đồng bộ, hoàn chỉnh và chu đáo làm cơ sở phương pháp cho các nghiên cứu kinh tế dài hạn và đồng thời cung cấp tư liệu cho việc xây dựng các quy hoạch và kế hoạch phát triển đến 2010, 2015, 2020.v.v.

### **3- Về gắn kết công nghiệp hoá và hiện đại hoá**

Trong xu thế toàn cầu hoá kinh tế và đổi mới công nghệ trên thế giới đang diễn ra với tốc độ cao, nhận thức rõ nếu không đuổi kịp được sự phát triển của các nước trong giai đoạn hiện nay thì khả năng bị gạt ra bên rìa của lịch sử là khó tránh khỏi, chúng ta đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Muốn vậy, phải đồng thời tiến hành hai cuộc chuyển dịch cơ cấu, vừa CNH vừa HĐH, vừa xây dựng nền kinh tế công nghiệp vừa từng bước xây dựng nền kinh tế tri thức. Quá trình kép đó đã được khẳng định từ Đại hội VIII và được làm rõ hơn ở Đại hội IX với yêu cầu sự gắn kết CNH và HĐH phải thực hiện ngay từ ban đầu và suốt trong các giai đoạn phát triển. Với kinh nghiệm tự đổi mới kinh tế trong 20 năm qua và gương phát triển của các nước đi trước, chúng ta có cơ sở để tin rằng nhiệm vụ kép đó không những chỉ là cần thiết để đi lên mà cũng là khả thi trong điều kiện trước mắt của Việt Nam. Tuy nhiên, một số vấn đề cần làm rõ thêm.

Chúng ta có khả năng đuổi kịp các nước trong một thời gian hợp lý không? Nếu so sánh với vài nước xung quanh thì thời gian đuổi kịp là khá dài. Thí dụ, với Thái Lan, thu nhập của người Thái hiện nay gấp khoảng 4 lần của người Việt, tốc độ tăng trưởng thu nhập liên tục là trên 3%/năm, Việt Nam là 6%/năm. Sau 30 năm mà tốc độ tăng trưởng giả thiết không thay đổi, thu nhập của ta tăng 6 lần, của Thái tăng 2.5 lần, lúc đó ta cũng vẫn chưa đuổi kịp. Hoặc tính với Trung Quốc thu nhập mấy năm qua khoảng gấp đôi của ta, nếu giả thiết tốc độ tăng trưởng thu nhập đầu người của Trung Quốc liên tục không thấp

hơn 6 % /năm thì khoảng cách giữa 2 nước chỉ có doãng ra chứ không thể co hẹp lại được. Bài toán đuổi kịp tính với 2 nước trên hầu như không khả thi. Tuy nhiên, nếu tính so sánh với bình quân của các nhóm nước mà chúng ta cần đặt mục tiêu đuổi kịp, như nhóm các nước đang phát triển, nhóm các nước châu Á hay mức trung bình của thế giới v.v., thì kết cục bài toán lại hoàn toàn khác. Trước hết, tính với nhóm các nước đang phát triển, bình quân thu nhập gần đây gấp 2,8 lần của ta nhưng tốc độ tăng trưởng có thể chỉ khoảng 1,5 %/năm, chúng ta sẽ cần khoảng 20 năm để đuổi kịp và bắt đầu vượt lên trước. So với bình quân toàn cầu, hiện nay hơn ta 4 lần, tốc độ tăng trưởng khoảng 1.7%/năm, sẽ cần hơn 30 năm để ta đuổi kịp. Thậm chí so với mức khởi đầu của các nước phát triển mà tốc độ tăng trưởng liên tục thường rất thấp, chúng ta cũng sẽ thấy thời gian đuổi kịp là có giới hạn. Kết quả tính toán trên cho thấy chúng ta có thể đuổi kịp được bình quân của thế giới và tiếp cận với mức khởi đầu của các nước phát triển trong một thời gian hữu hạn, song lại hầu như khó đuổi kịp được một số nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng cao và đang CNH, HĐH thuận lợi. Có thể hiểu rằng, đối với đa số các nước đang phát triển, việc đuổi kịp các nước phát triển hầu như còn xa vời, nhưng với một số nước có điều kiện, có chiến lược phát triển tốt, thì việc đuổi kịp vẫn có thể thực hiện được. Đó là kinh nghiệm của các nước NIC, đó cũng là vấn đề mà lý thuyết kinh tế học phát triển có thể chứng minh. Cũng lưu ý thêm là nếu tính GDP bằng phương pháp sức mua tương đương thì bài toán so sánh giữa ta với Thái lan và Trung quốc cũng không thay đổi nhiều, song tính so sánh với các nước tương đối phát triển thì sẽ có lợi cho những nước như ta, thời gian đuổi kịp sẽ càng rút ngắn. Hơn nữa, những ước tính trên đây mới chỉ xét đến một yếu tố tăng trưởng về kinh tế là thu nhập bình quân đầu người, cũng chưa tính đến ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đang có lợi cho chỉ số tăng trưởng của những nước như Việt nam và chưa kể đến khả năng có thể có bước phát triển đột biến khi có cơ hội như dự kiến của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Và có thể hình dung đến một thời gian nào đó, một số nước đang phát triển có lợi thế sẽ trước sau không bao nhiêu, gần như cùng bước vào thế giới phát triển. Các nhà nghiên cứu hiện đại hoá của Trung quốc đã tính ra rằng nền kinh tế Trung quốc sẽ hoàn thành CNH vào năm 2020 và cuối thế kỷ 21 sẽ được xếp trong 10 nước phát triển hàng đầu của thế giới. Các nhà kinh tế Việt nam cũng nên tính thử xem với đà phát triển kinh tế xã hội như 5 năm vừa qua thì bao nhiêu năm nữa chúng ta sẽ thực hiện được hết các chỉ tiêu “CNH theo hướng hiện đại”, hay ngược lại, muốn hoàn thành CNH vào khoảng năm 2020 thì cần có tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm là bao nhiêu và cần tập trung nhiều công sức vào việc cải thiện những chỉ tiêu nào trong phát triển kinh tế xã hội.

Bên cạnh vấn đề “đuổi kịp” còn có ý tưởng công nghiệp hoá rút ngắn thời gian mà văn kiện Đại hội IX đã đề cập đến. Đúng là với nhịp độ phát triển cố giữ như hiện nay thì đến năm 2020, GDP bình quân đầu người của nước ta vẫn chỉ ở khoảng trên dưới 2000 USD/năm. Với mức thu nhập đó, các chỉ tiêu phát triển khác cũng khó có khả năng đạt cao được, và yêu cầu “cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại” có thể chỉ thể hiện trên một số chỉ tiêu số lượng, còn chất lượng của sự phát triển thì khó bảo đảm và giai đoạn “hoàn thiện công nghiệp hoá” sau 2020 chắc chắn sẽ gặp nhiều trắc trở. Vì vậy hướng CNH rút ngắn không thể chỉ nhìn vào một số chỉ tiêu định lượng mà phải bảo đảm tính toàn diện của yêu cầu phát triển bền vững; con đường khả thi nhất là nhanh chóng phát triển công nghệ mới, vừa làm nền tảng, vừa làm động lực cho phát triển theo hướng CNH, HĐH. Phát triển công nghệ có thể thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội thường xuyên, liên tục với tốc độ cao, đồng thời tạo những cơ sở cần thiết để khi có điều kiện thuận lợi thì thực hiện được những bước nhảy với tốc độ đột xuất cao hơn. Cách nhìn ấy đã được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội IX bằng câu nói cô điển “vừa có bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt” cũng có thể diễn đạt thành kết luận: Khoa học, công nghệ là động lực (chưa kể đến vai trò “nền tảng”) của phát triển theo hướng CNH, HĐH, đồng thời là động lực chính cho bước phát triển tốc độ cao và bền vững, cho bước nhảy trong phát triển. Còn việc làm thế nào để tạo ra được những cơ sở tiền đề cần thiết, đợi khi có thời cơ hay tạo ra được thời

cơ thuận lợi thì vượt lên bằng những bước nhảy đột biến, tất cả vấn đề này thuộc nhiệm vụ của khoa học và công nghệ, sẽ bàn kỹ thêm ở phần dưới.

Ngoài vấn đề “đuổi kịp” và “rút ngắn” liên quan đến nhu cầu tất yếu cần gắn kết CNH và HĐH vào chung một quá trình, còn có vấn đề làm thế nào để gắn kết CNH và HĐH, đây cũng là một vấn đề quan trọng trong phương thức CNH ở nước ta. Căn cứ vào những việc chưa làm được trong mấy năm qua, có thể nêu ra một số nhận xét sau: Sự gắn kết có hiệu quả CNH và HĐH, ngoài khía cạnh về thời gian (gắn kết ngay từ đầu và suốt trong các giai đoạn phát triển) còn cần bao quát nhiều khía cạnh khác.

Về chủ trương chính sách, mỗi một sự lựa chọn đều cần xem xét đến 2 khía cạnh kinh tế và công nghệ. Một dự án kinh tế (nói chung) không thể mang theo một công nghệ lạc hậu, một đề án khoa học, công nghệ phải dẫn dắt đến một hiệu quả kinh tế cuối cùng đưa vào sử dụng. Nếu các doanh nghiệp nhà nước (và cả một số doanh nghiệp ngoài quốc doanh hoạt động phụ thuộc theo doanh nghiệp nhà nước) về thực chất vẫn chạy theo cơ chế bao cấp thì công nghệ mới khó có thể phát triển được; ngược lại trong kinh tế thị trường mà cơ quan nghiên cứu chỉ dựa vào nhiệm vụ Nhà nước giao thì cũng không đủ khả năng tiến tới công nghệ hiện đại. Thực tế vừa qua cho thấy chính sách kinh tế và chính sách công nghệ nếu không gắn bó với nhau từ đầu thì không thể tạo ra hiệu quả cao, tạo ra sức sống, sức cạnh tranh.

Về chỉ đạo thực hiện, để gắn kết CNH và HĐH "ngay từ đầu và suốt các giai đoạn phát triển" cần đổi chiều và rà soát sự ăn khớp giữa quy hoạch phát triển chung và chương trình phát triển khoa học, công nghệ, trong cả thời kỳ CNH, HĐH và trong từng giai đoạn phát triển (chiến lược 10 năm và kế hoạch 5 năm). Trong thực tế, chiến lược phát triển 10 năm và kế hoạch 5 năm đã được thông qua từ Đại hội IX, nhưng chiến lược khoa học, công nghệ đến 2004 mới được Chính phủ phê duyệt, đã tạo ra một bước so le về quy hoạch và cũng gây khó khăn cho việc phối hợp cụ thể các bước phát triển kinh tế và khoa học, công nghệ. Vấn đề quy hoạch đồng bộ cho CNH, HĐH không chỉ giới hạn ở sự phối hợp kinh tế - công nghệ mà còn có ý nghĩa rộng hơn, sẽ bàn sâu thêm trong phần cuối báo cáo.

#### **4- Về CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn**

Từ Đại hội VIII, chúng ta đã thừa nhận có vấn đề CNH nông nghiệp và đặc biệt coi trọng CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn: phát triển toàn diện nông lâm ngư nghiệp; thực hiện thủy lợi hoá, điện khí hoá, cơ giới hoá, sinh học hoá; phát triển công nghiệp chế biến; phát triển ngành nghề; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Đến Đại hội IX nêu vấn đề đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn theo hướng hình thành nền nông nghiệp hàng hoá lớn, hợp lý hoá cơ cấu sản xuất, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ, hoàn thiện hệ thống thủy lợi, phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ.

Sau mấy năm thực hiện, tình hình đã có nhiều biến đổi khả quan: bước đầu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đã tạo ra hiệu quả mới, kinh tế trang trại có nhiều hứa hẹn, thị trường nông sản được mở rộng. Tuy nhiên, những chuyển dịch tích cực trên vẫn mang tính “dò đường”, chưa được sự chỉ đạo của một quy hoạch tổng thể đồng bộ và mạch lạc và việc xây dựng một bản (hoặc một nhóm) quy hoạch tổng thể về nông nghiệp và nông thôn lại phụ thuộc kết quả nghiên cứu một số vấn đề cơ bản về CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn. Có thể nêu ra ở đây 3-4 vấn đề trong số các vấn đề cơ bản đó.

a/Trước hết, cần tạo ra trong nông nghiệp và nông thôn một môi trường ban đầu thích hợp để có thể tiếp nhận các chính sách và giải pháp cụ thể của quá trình CNH, HĐH. Có 3 việc cần làm trước:

-- Cần sớm hoàn thành chương trình xoá đói giảm nghèo ở các vùng nông thôn, tạo ra một mặt bằng kinh tế xã hội tương đối đồng đều để khởi động. Trong chương trình này,

nên quan tâm vấn đề áp dụng những tiêu chuẩn nghèo đói sát với tiêu chuẩn quốc tế để dễ đánh giá và so sánh, đồng thời chú trọng đến yêu cầu bền vững, không để xảy ra hiện tượng tái đói nghèo trở lại và làm biến dạng môi trường nông thôn.

-- Sớm gây dựng một nền kinh tế hàng hoá ở nông thôn, phá vỡ thế độc canh, tự cấp tự túc còn rớt lại. Muốn vậy, chỉ giúp nông thôn xây dựng kết cấu hạ tầng tối thiểu (điện, đường, trường, trạm, chợ) và cho vay vốn ban đầu vẫn là chưa đủ. Còn cần sớm hình thành một mạng lưới các công ty, xí nghiệp vừa và nhỏ (kể cả cực nhỏ) trên cơ sở huy động sự tham gia của các doanh nghiệp từ các vùng công nghiệp, các lực lượng quân đội tại chỗ làm kinh tế và nguồn vốn của Nhà nước.

-- Đồng thời, cần xây dựng một quy hoạch hợp lý về an toàn lương thực và bảo vệ môi trường sinh thái nông thôn, vừa sử dụng hợp lý đất đai, nguồn nước, vừa chủ động phòng chống thiên tai, lũ lụt.

b/CNH nông nghiệp đầu tiên là áp dụng các phương pháp công nghiệp vào lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, đáp ứng đòi hỏi của thị trường. Đây cũng là vấn đề đưa năng suất nông nghiệp (trên đơn vị diện tích hay trên đơn vị lao động) và chất lượng hàng hoá nông sản lên một mức cao để bảo đảm thu nhập của người nông dân được nâng lên xấp xỉ bằng thu nhập chung của xã hội và sản phẩm nông nghiệp thoả mãn được nhu cầu của thị trường trong nước và thế giới.

Muốn nâng cao năng suất, chất lượng và công nghiệp hoá nông nghiệp trước hết cần đẩy mạnh và nâng cao việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật: thuỷ lợi hoá (bao gồm cả tưới và tiêu), cơ giới hoá (ưu tiên cơ giới nhỏ và vừa phù hợp với quy mô kinh tế), sinh học hoá (bảo đảm giống cây trồng, vật nuôi) và điện khí hoá (giải quyết vấn đề giá điện cho nông thôn). Bên cạnh đó, các giải pháp về tổ chức sản xuất đang trở thành bức xúc: không thể CNH nông nghiệp trên cơ sở những mảnh ruộng quá manh mún, những đơn vị sản xuất quá nhỏ bé và luôn luôn bị động về tiêu thụ sản phẩm và khó khăn về áp dụng các biện pháp công nghệ mới. Các hình thức hợp tác xã ở đồng bằng và các kiểu trang trại ở vùng trung du, miền núi và ven biển phải giúp vào việc mở rộng quy mô khai thác đất đai và mặt nước, nhờ đó các biện pháp kỹ thuật mới phát huy được hiệu quả. Loại giải pháp thứ ba không thể thiếu là muốn đưa nông nghiệp lên trình độ hiện đại thì đã đến lúc cần tạo điều kiện để áp dụng một cách phổ biến các công nghệ mới vào lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, từ việc cải tạo đất đai đến khâu tạo giống, tổ chức sản xuất, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm và cả việc tổ chức lại cuộc sống vùng nông thôn.

Công cuộc CNH nông lâm ngư nghiệp với các giải pháp về kỹ thuật, tổ chức sản xuất và công nghệ mới như nêu trên sẽ dẫn đến một hậu quả trực tiếp là lực lượng lao động vốn đã dồi dào ở nông thôn sẽ càng dư thừa hơn, từ khoảng 60% lực lượng lao động toàn quốc hiện nay sẽ giảm còn 50% vào năm 2010 và giảm nhiều nữa trong thập niên tiếp theo. Từ đó vấn đề tạo việc làm mới sẽ là vấn đề cấp bách và kéo dài suốt thời kỳ CNH.

c/Vấn đề quan trọng tiếp theo trong nhiệm vụ CNH, HDH nông nghiệp và nông thôn là vấn đề phát triển công nghiệp ở các vùng nông thôn hay là vấn đề cơ cấu lại kinh tế nông thôn và lao động nông thôn. Lao động nông nghiệp hiện nay đóng góp trên 1/5 GDP toàn quốc và tỷ lệ này sẽ giảm dần. Tuy không nhất thiết tỷ lệ đó bắt buộc phải giảm đến dưới 5% mới gọi là nước công nghiệp (tỷ trọng hợp lý với Việt Nam là nước có lợi thế hơn nhiều nước khác về phát triển nông nghiệp cần được nghiên cứu thêm để ước lượng), song trong 1-2 thập niên tới có thể ở mức dưới 15% hoặc dưới 10%. Như vậy, muốn cho thu nhập của nông dân lên gần với mức chung của cả nước thì tỷ lệ lao động trong nông nghiệp cần giảm rất nhiều (đến trên một nửa), do đó số lao động dư thừa ở vùng nông thôn sẽ rất lớn.

Đương nhiên là khu vực công nghiệp và dịch vụ (sẽ chiếm đến 80-90% nền kinh tế đang tăng trưởng gấp 2 lần mỗi thập niên) sẽ phải thu hút số lao động dồi dào đó. Song ,

nếu chuyển tất cả về mấy thành phố lớn và khu công nghiệp tập trung, tuy có thể tăng nhanh cư dân đô thị nhưng nhu cầu về đất đai, cơ sở hạ tầng và rủi ro về môi trường là những vấn đề rất khó giải quyết, chưa kể yêu cầu về vốn đầu tư lớn để tạo ra chỗ làm việc trong công nghiệp hiện đại. Giải pháp thích hợp sẽ là bên cạnh việc cung cấp bổ sung một số lao động cho nhu cầu phát triển công nghiệp và dịch vụ ở các thành phố và khu công nghiệp, cần tích cực phát triển công nghiệp và dịch vụ ở các vùng nông thôn, hình thành một mạng lưới công thương vừa và nhỏ tạo nhiều việc làm, vừa ở gần vùng nguyên liệu và hộ tiêu thụ, vừa có thể xử lý tốt vấn đề môi trường và đô thị hoá các vùng lãnh thổ. Kinh nghiệm của nhiều nước trong vùng cho thấy công nghiệp nông thôn cần 2 điều kiện để phát triển: vốn mà một phần được tạo nguồn ngay trong vùng (kể cả vốn từ đất đai) và kinh nghiệm tổ chức quản lý dựa vào sự tham gia của công nghiệp thành phố và sự hỗ trợ của nhà nước. Có thể những ưu đãi cho doanh nghiệp nhà nước nay nên thu hẹp lại dành cho các dự án phát triển nông thôn và vùng núi, cả đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Công nghiệp nông thôn có thể phát triển rất đa dạng, từ phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp (như cung ứng công cụ và chế biến) đến phục vụ đời sống vật chất và văn hoá nông thôn coi như một thị trường lớn còn chưa khai phá ; hoặc sản xuất những đặc sản truyền thống của từng vùng qua phát triển các làng nghề được khôi phục và hiện đại hóa để cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Bên cạnh đó, ở các vùng có điều kiện tập trung vẫn có thể xây dựng những trung tâm công nghiệp như thủy điện, vật liệu xây dựng, khai thác chế biến khoáng sản hoặc những trung tâm du lịch sinh thái, văn hoá nằm bên các hồ nước, vùng cây xanh, chùa đền, hang động có thể tạo ra khung cảnh khác hẳn không khí ồn ào nhưng đơn điệu của các thành phố.

Về quy hoạch công nghiệp, ngoài những khu công nghiệp tập trung lớn hàng trăm héc ta, cần sắp xếp một mạng lưới “tiểu khu công nghiệp” hay cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở khắp các tỉnh lớn nhỏ (trong đó có các cụm làng nghề) để cho công nghiệp cũng như đô thị không quá tập trung vào một số cực mà điều kiện thực tế không đủ sức chịu đựng.

d/Vấn đề quan trọng thứ ba là vấn đề xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới, một vấn đề đòi hỏi rất nhiều công của và thời gian dài. Việc xây dựng nông thôn mới vừa tạo ra cơ sở để giải quyết một cách vững chắc 2 vấn đề kinh tế nêu trên, vừa có ý nghĩa văn hoá rất lớn trong việc nâng cao và hoàn thiện một lối sống mới ở nông thôn Việt Nam, hiện đại mà vẫn giữ được bản sắc của mình. Châu Âu cũng đã phải qua hàng trăm năm để tạo dựng ra những đường nét nông thôn ngày nay nhưng cũng không thể tránh khỏi những thôn xóm trở nên hoang vắng vì thanh niên bỏ đi làm ăn xa. Ở nhiều vùng khác trên trái đất, mặc dù đã tốn kém khá nhiều thời gian và xi măng, sắt thép song cũng chưa tạo ra được một bộ mặt thực sự của vùng nông thôn mới.

Giai đoạn đầu xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn cần quan tâm đến yêu cầu xoá đói giảm nghèo và mở rộng thị trường nông thôn, ưu tiên hàng đầu phải là mở rộng mạng lưới đường xá (kể cả đường thủy) nối các vùng nông thôn với các đô thị và các cửa khẩu để tạo điều kiện thông thương cho hàng hoá cung ứng về nông thôn và hàng hóa nông thôn tiêu thụ ra ngoài vùng và xuất khẩu (kinh nghiệm của nhiều nước nghèo, kể cả Việt Nam, cho thấy đến 70-80% các vùng có đường giao thông đều giảm được tỷ lệ đói nghèo và tăng tiền được về công bằng xã hội). Vấn đề cung cấp điện và nước sạch, kể cả nước cho nông nghiệp, cũng nằm trong ưu tiên của giai đoạn này.

Vấn đề đòi hỏi nhiều thời gian hơn là việc sắp xếp dân cư cho phù hợp với việc phân bố lại lao động (đã nói ở trên) và cải thiện dân môi trường sống vùng nông thôn, để vẫn giữ nguyên được khung cảnh thiên nhiên đặc trưng của môi trường nông thôn Việt Nam nhưng lại có được những tiện nghi đời sống hiện đại tương tự như ở đô thị. Nếu đi vào CNH, HĐH bằng nhiều bê tông và sắt thép che lấp đi mất cảnh quan thiên nhiên và

làm mờ đi những nét đẹp trong đời sống nông thôn thì thực sự sẽ là điều đáng tiếc lớn, không thể lấy lại được.

Để bảo đảm những yêu cầu trên, đồng thời tránh để phát triển những thành phố quá lớn mà cái hại sẽ nhiều hơn cái lợi, tốt hơn cả là sắp xếp và hình thành nhiều thị trấn nhỏ là nơi tập trung công nghiệp (vừa và nhỏ) và dịch vụ nông thôn, nơi ươm tạo và phát triển kỹ thuật, công nghệ phục vụ nông thôn, cũng là những điểm văn hoá nông thôn mới. Một mạng lưới các thị trấn như vậy phân bố rộng trên tất cả các vùng lãnh thổ, nối liền với những trung tâm công nghiệp mới và các đô thị đã có sẵn bằng một hệ thống giao thông thuận lợi, một mạng thông tin và hạ tầng kỹ thuật khác có thể bảo đảm cho sự phát triển hài hoà của toàn bộ đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của cả nước. Chương trình đầu tư cho mục tiêu này là rất lớn và dài hạn, đòi hỏi trước mắt phải có một quy hoạch không gian chung và cụ thể để làm định hướng cho cả giai đoạn phát triển dài hạn sắp tới.

Đáng kể trong công việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới còn một vấn đề lớn và bao trùm, đó là nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài ở vùng nông thôn đủ sức để thực hiện nhiệm vụ chuyên dịch và đổi mới rất lớn sắp tới.

## **5-Về phát triển khoa học và công nghệ**

a/Văn kiện Đại hội VIII có nêu trong phần quan điểm về CNH, HĐH như sau: *“Khoa học và công nghệ là động lực của CNH, HĐH. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại; tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định”*.

Đến Đại hội IX, báo cáo chính trị nêu *“Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”* (trang 112). Báo cáo Chiến lược nhấn mạnh: *“Tăng nhanh năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ ... Đẩy mạnh việc ứng dụng có hiệu quả các công nghệ nhập khẩu. Đi nhanh vào công nghệ hiện đại ở những ngành then chốt để tạo bước nhảy vọt về kinh tế ... Nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố phát triển, từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta”* (trang 162-163).

Như vậy, vai trò và phương hướng phát triển của khoa học và công nghệ đã được xác định rõ: khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực đẩy mạnh CNH, HĐH. Nếu cần cụ thể thêm thì có thể bổ sung: khoa học và công nghệ là động lực của CNH, HĐH và là động lực chính bảo đảm phát triển tốc độ nhanh và bền vững.

Tuy nhiên, vấn đề làm thế nào để khoa học và công nghệ thực sự là động lực của CNH, HĐH, của phát triển kinh tế xã hội thì đang còn lúng túng, chưa cụ thể; ngân sách dành cho khoa học và công nghệ đã được nâng lên, chính sách khuyến khích công nghệ mới đã khẳng định, chủ trương xây dựng các khu công nghệ cao đang được thực hiện, nhưng hoạt động khoa học công nghệ chưa thấy có thay đổi đột biến và đáng kể.

Muốn cho khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực của sự phát triển thì trước hết phần khai thác tiềm năng và đóng góp của khoa học công nghệ vào sự phát triển kinh tế xã hội phải có hiệu quả ngày càng cao. Trong những năm qua, kể cả những năm gần đây dù đã có phần cải thiện, hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ không cao thường được cho là do còn thiếu sự gắn kết giữa khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế, trong đó lỗi được hiểu là do đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ chưa sát với thực tế đất nước. Song, nguyên nhân thực sự của sự thiếu gắn kết này cần tìm chính từ cơ chế quản lý khoa học công nghệ và cơ chế quản lý kinh tế, trong đó cơ chế quản lý khoa học công nghệ nên được xem xét là chính.

Cơ chế quản lý khoa học công nghệ những năm qua (mấy năm gần đây đã có cải tiến nhưng chưa thay đổi về cơ bản) chịu ảnh hưởng rất sâu nặng của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp mà mấy kỳ Đại hội đã phê phán và các ngành kinh tế đang tích cực khắc phục.

Biểu hiện của cơ chế đó như sau:

- Không (hoặc ít) có quan hệ trực tiếp giữa người nghiên cứu (Viện, Trường) và người cần sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ (doanh nghiệp) mà giữa 2 khâu cung và cầu đó phải qua khâu trung gian là Nhà nước (người nắm gần như là toàn bộ các nguồn lực nghiên cứu: cả cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh phí và nhân lực). Các đề tài nghiên cứu do cơ quan nghiên cứu hoặc do doanh nghiệp đề xuất phải qua các cấp hành chính của bộ, ngành, địa phương tập hợp trình Nhà nước chọn lọc để lập thành danh mục các chương trình nghiên cứu; Nhà nước sử dụng ngân sách ít ỏi của mình giao lại cho các ngành, địa phương để phân bổ cho các tổ chức nghiên cứu (Viện, Trường); kết quả nghiên cứu được giao nộp lại (một cách hình thức) cho Nhà nước nghiệm thu và tiếp nhận; Nhà nước chọn những kết quả được đánh giá là tốt để giao miễn phí (hoặc còn bổ sung thêm kinh phí) để cho một số doanh nghiệp ứng dụng. Còn việc doanh nghiệp có sử dụng hay lại xin nhà nước cho mua công nghệ khác từ nước ngoài lại là vấn đề khác mà Nhà nước không hoàn toàn khống chế được. Theo cơ chế đó, dù cho Nhà nước có ý đồ tốt để thúc đẩy cung cầu, trên thực tế cũng trở thành khâu trung gian ngăn trở cung và cầu gắn kết với nhau theo quy luật kinh tế.

- Kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ hay nói chung vốn phát triển khoa học công nghệ chủ yếu bắt nguồn từ ngân sách nhà nước. Song vốn ngân sách còn hạn hẹp, hiện nay chiếm 2% đã là một cố gắng lớn, nhưng giả sử tỷ lệ đó có tăng lên gấp đôi trong vài năm tới thì cũng không đủ cho yêu cầu phát triển khoa học công nghệ. Hơn nữa, cơ chế sử dụng vốn ngân sách dành cho khoa học công nghệ hiện nay hướng vào bảo đảm quy chế kiểm soát chi tiêu hơn là khuyến khích hiệu ích sử dụng thực của kết quả nghiên cứu.

- Cơ chế quản lý kinh tế không ràng buộc và tạo điều kiện cho doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhà nước) tìm đến khoa học. Doanh nghiệp chưa cảm thấy bức xúc phải đổi mới công nghệ, hoặc có nhu cầu công nghệ thì lại không đủ điều kiện đầu tư cho công nghệ hoặc đặt hàng cho nghiên cứu khoa học công nghệ, vì vậy nếu có cơ hội lại tìm mua thiết bị nước ngoài.

- Lao động khoa học là một loại lao động đặc thù có thể tạo ra giá trị gia tăng rất cao nếu kết quả là tạo ra một công nghệ mới hoặc mở đường cho nhiều công nghệ mới được đưa vào áp dụng. Việc đánh giá kết quả lao động khoa học dựa trên thời gian lao động và thang bậc lương cán bộ không phản ánh đủ giá trị của hoạt động khoa học công nghệ. Cơ chế thưởng có giới hạn (không vượt quá một số tháng lương v.v.) không đủ khuyến khích tái sản xuất và tái sản xuất mở rộng cho lao động khoa học. Cán bộ khoa học ở trường đại học thường phải tìm dạy thêm nhiều giờ, cán bộ các cơ quan nghiên cứu thường phải tìm thêm đề tài nhiều khi không liên quan đến khoa học và công nghệ.

- Cơ quan hoặc tổ chức khoa học và công nghệ phần lớn thuộc khu vực nhà nước là những tổ chức sự nghiệp (dịch vụ công thuộc nhà nước) nhưng hoạt động thường theo cơ chế hành chính, nhiều khi còn kiêm cả một số nhiệm vụ quản lý. Một mặt, tổ chức khoa học công nghệ chưa tự chủ về kế hoạch, về tài chính, về nhân sự; mặt khác chưa làm rõ ràng về quyền sở hữu kết quả nghiên cứu, quyền tác giả và độc quyền về tư liệu, thông tin. Vì vậy, cách tổ chức và hoạt động của các Viện, trung tâm nghiên cứu và dịch vụ khoa học công nghệ còn cần được xác định rõ để các tổ chức khoa học công nghệ hoạt động thực sự có hiệu quả.

Trong mấy năm gần đây tình hình trên đã có nhiều cải thiện, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp quy để xây dựng một cơ chế quản lý mới, song thời gian còn ngắn, chưa tạo ra được sự thay đổi về căn bản, cách quản lý chủ yếu vẫn là tập trung vào nhà nước, phụ thuộc vào cơ chế hành chính quan liêu, phần lớn do ngân sách bao cấp.

b/Chúng ta phải đưa khoa học công nghệ thực sự trở thành nền tảng và động lực của CNH, HĐH trong những điều kiện khó khăn, ngặt nghèo khiến cho nhiệm vụ khoa học

công nghệ thành một bài toán khó giải. Mặc dầu đã có những bước tiến bộ đáng kể để bù lại những chậm trễ do mấy thập kỷ chiến tranh và cấm vận, song cho đến nay tiềm năng phát triển khoa học công nghệ nước ta vẫn còn nhiều hạn chế. Số cán bộ nghiên cứu phát triển của ta tính trên một triệu dân vẫn thấp, điều kiện vật chất dành cho khoa học, công nghệ thiếu thốn, nhưng kỳ vọng đối với khoa học và công nghệ lại rất cao.

Những nhiệm vụ đó đặt ra cho khoa học, công nghệ Việt Nam trong những năm tới yêu cầu phải có những bước tiến nhảy vọt tạo ra bằng một số khâu đột phá có ý nghĩa. Như trên đã phân tích, khâu đột phá quan trọng là đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý khoa học công nghệ và cơ chế quản lý kinh tế có liên quan để rũ bỏ cách làm tập trung, quan liêu, bao cấp hiện nay đồng thời đặt đúng vai trò trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý KHCN.

Việc tiếp tục đổi mới quản lý khoa học công nghệ có thể theo các hướng sau:

- Nhà nước có trách nhiệm ban hành các chính sách quản lý và khuyến khích hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đồng thời xác định những hướng ưu tiên về khoa học công nghệ từng thời kỳ tương ứng với (hoặc đi trước một bước) các chính sách phát triển kinh tế xã hội. Về nghiên cứu khoa học, công nghệ, Nhà nước đặt hàng bằng phương thức giao thầu hoặc đấu thầu các đề tài về quản lý nhà nước (chính trị, kinh tế, xã hội) và khoa học cơ bản (tự nhiên, xã hội), đồng thời lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ để hỗ trợ một phần cho các đề tài về sản xuất, kinh doanh phục vụ các hướng ưu tiên quốc gia và bù đắp cho phần rủi ro trong nghiên cứu khoa học công nghệ.

- Các doanh nghiệp lập quỹ phát triển khoa học công nghệ được ưu đãi về thuế, (riêng doanh nghiệp nhà nước bắt buộc phải lập quỹ này) và được ưu tiên khi khai thác các kết quả nghiên cứu công nghệ trong nước. Doanh nghiệp tự đặt hàng với các tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ, được hỗ trợ của Quỹ phát triển khoa học công nghệ của Nhà nước và tự nghiệm thu kết quả đem vào áp dụng. Doanh nghiệp nhà nước phải được hưởng quyền tự chủ cao về kế hoạch, tài chính và nhân sự và trong quá trình tự chủ, tự chịu trách nhiệm đó phần ưu tiên phải dành cho lĩnh vực khoa học công nghệ.

- Tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ cần tổ chức và quản lý theo cơ chế tổ chức sự nghiệp đổi mới, trên cơ sở tách riêng cơ quan hành chính và tổ chức sự nghiệp. Trong các loại tổ chức sự nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ nên được ưu tiên có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao về các mặt kế hoạch, tài chính, nhân sự phù hợp với tính chất của lao động khoa học sáng tạo (tương tự như trường đại học). Tổ chức khoa học công nghệ vừa nhận đơn đặt hàng của nhà nước, vừa nhận đặt hàng của các doanh nghiệp và các tổ chức khác và chịu trách nhiệm đối với người đặt hàng theo quy định trong hợp đồng nghiên cứu. Tổ chức khoa học công nghệ có quyền tác giả (của cả cơ quan, của nhóm chuyên gia hoặc của cá nhân chuyên gia tùy theo trường hợp cụ thể), nhưng quyền sở hữu về kết quả nghiên cứu phụ thuộc vào các nguồn vốn tham gia (trong đó có phần của tổ chức khoa học công nghệ) và các quy định của hợp đồng nghiên cứu. Cũng sẽ không cần phân biệt Viện nghiên cứu trung ương hay địa phương, quốc doanh hay độc lập; chỉ còn sự khác nhau về trình độ, năng lực chuyên môn, khoa học.

Nguồn tài chính tổ chức khoa học công nghệ: nguồn vốn ban đầu đối với các tổ chức nghiên cứu của Nhà nước có thể toàn bộ hoặc một phần là của Nhà nước, sẽ tính vào khấu hao cơ bản khi tính kinh phí đầu vào cho các đề tài nghiên cứu. Vốn nghiên cứu có thể từ nhiều nguồn: một phần là từ đơn đặt hàng nhà nước theo từng đề tài, chương trình và hỗ trợ của Nhà nước đối với những đề tài thuộc diện ưu tiên thông qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ; một phần là do đơn đặt hàng của các khách hàng (doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân); một phần nữa có thể do một số tổ chức tài trợ với tư cách là tổ chức bảo trợ thường xuyên (cơ quan nhà nước, hỗ trợ nước ngoài, các tập đoàn kinh tế có quan tâm đến phạm vi nghiên cứu của Viện, Trung tâm v.v.). Ngoài ra, còn có vốn tự có của tổ chức



nghiên cứu. Tổ chức khoa học công nghệ cần được tự chủ trong ký kết hợp đồng nghiên cứu và trong chi tiêu tài chính nội bộ, không nhất thiết phải thông qua cơ quan chủ quản. Vì có nhiều nguồn vốn nên tổ chức nghiên cứu có thể có hình thức hội đồng quản trị để quản lý các vốn hoạt động và việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học.

- Thu nhập của cán bộ nghiên cứu khoa học phải dựa vào kết quả và hiệu quả của lao động khoa học đã bỏ ra, kết quả này có thể rất cao nếu đem ứng dụng vào thực tế có hiệu quả, nhưng cũng có thể chỉ đạt mức bình thường hoặc chỉ làm phong phú thêm cho kiến thức khoa học, chưa đem lại hiệu quả kinh tế xã hội trực tiếp. Do vậy, thù lao cho công tác khoa học công nghệ có thể chia làm 2 phần: phần cơ bản tương đương (hoặc cao hơn) lương cơ bản theo ngạch bậc và thời gian và một phần bổ sung phụ thuộc vào hiệu quả đem lại, hoặc do hợp đồng nghiên cứu cung cấp, hoặc do phần thưởng của các đề tài nhà nước. Ngoài ra còn có thu về quyền tác giả tập thể hoặc cá nhân.

Những vấn đề nêu trên nếu giải quyết tốt thì chắc chắn có thể nâng cao hiệu quả công tác khoa học công nghệ, gắn kết khoa học công nghệ với sản xuất kinh doanh, nhà nước làm đúng chức năng quản lý, doanh nghiệp quan tâm đến tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, tổ chức khoa học công nghệ và cán bộ nghiên cứu được chủ động, tự chịu trách nhiệm và thụ hưởng đúng mức kết quả nghiên cứu của mình. Và đối với cả nước, sẽ tạo ra được thị trường công nghệ hay thị trường khoa học công nghệ năng động, phù hợp với yêu cầu định hình nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN.

Những chủ trương gần đây của Nhà nước liên quan đến cải cách cơ chế quản lý khoa học và công nghệ (các nghị định 115, 43, quyết định 71 v.v.) nói chung đang đi theo hướng trên, có thể có một số khó khăn khó tránh khỏi trong thực hiện, song hứa hẹn sẽ tạo ra một bức tranh và một phong cách mới trong sự phát triển khoa học và công nghệ của đất nước. Có chăng cần bổ sung là xây dựng một chương trình đồng bộ hơn, gắn kết việc cải cách quản lý khoa học và công nghệ với việc đổi mới quản lý lĩnh vực sự nghiệp và dịch vụ công, trong lộ trình tổng thể về cải cách thể chế chung của Nhà nước.

## **6-VỀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN**

a/Các điều kiện tiên đề của CNH, HĐH:

Trong phần trên đã nhấn mạnh, CNH, HĐH ở nước ta được khởi động lại khi đất nước đã trải qua và ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội kéo dài trong thập kỷ 80 của thế kỷ trước, trong khi những điều kiện tiên đề để đẩy mạnh CNH, HĐH còn chưa đầy đủ, vì vậy cần chủ trương vừa tiến hành CNH, HĐH, vừa tiếp tục hoàn thiện những điều kiện cần thiết để quá trình CNH, HĐH được thực hiện thuận lợi.

Theo lý thuyết kinh điển, người ta cho rằng CNH cần có 3 điều kiện tiên đề: nông nghiệp năng suất cao, thị trường hoạt động thuận lợi, quản lý nhà nước ổn định. Trong điều kiện nước ta chủ trương gắn kết CNH và HĐH trong điều kiện điem xuất phát thấp và trong giai đoạn chuyển đổi kinh tế, đã sơ bộ nêu ra 3 điều kiện tiên đề quan trọng: cơ sở hạ tầng, đào tạo và công nghệ, thể chế. Có thể nói rằng, đối chiếu với kinh nghiệm nước ngoài, điều kiện về phát triển nông nghiệp chúng ta đã tạo ra được về cơ bản, nhưng nông nghiệp thời gian vừa qua tuy có giải quyết tốt vấn đề an ninh lương thực, ổn định xã hội và tạo ra ngoại tệ, song thực chất chưa đủ sức tích lũy vốn cho CNH, ngay phần CNH nông nghiệp và nông thôn cũng chưa bảo đảm được. Ngược lại, cần qua CNH thì nông nghiệp mới có khả năng tạo vốn. Về yêu cầu phát triển thị trường, tuy còn nhiều việc phải làm cả về cơ chế tự do hoá và về hoàn thiện các dạng thị trường mới manh nha, song xu thế phát triển đã khẳng định và bước tiến đạt được đã khá dài, Về điều kiện quản lý nhà nước, có thể khẳng định tính ổn định lâu dài và khả năng cải thiện dần từng bước, song hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước, nhất là quản lý kinh tế, lại đang cần phải đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính để nâng cao và tạo điều kiện cho việc đẩy mạnh CNH, HĐH. Tình hình tương tự và ở mức độ phát triển thấp hơn có thể nói về cơ sở hạ tầng, giáo dục

đào tạo và khoa học công nghệ, thể chế, vừa là điều kiện cần thiết để thực hiện CNH trước mắt, vừa là tiền đề không thể thiếu để đưa CNH, HĐH tiến bước xa hơn nữa.

Xem xét cả 6 điều kiện tiền đề của CNH, HĐH (3 điều kiện theo kinh nghiệm quốc tế và 3 điều kiện theo đánh giá trong nước, trong đó điều kiện về hoàn thiện thể chế và điều kiện về hoạt động thị trường có nhiều điểm trùng hợp), có thể đánh giá chung về các điều kiện đó là mức độ đạt được hiện nay có thể đảm bảo cơ sở cho tiến trình CNH, HĐH, song để đẩy mạnh, tăng tốc CNH, HĐH thì vẫn còn cần phấn đấu hơn nữa. Đặc biệt là muốn tạo ra những phát triển nhảy vọt về kinh tế khi có cơ hội thuận lợi thì trước hết cần tạo ra bước phát triển mạnh, đột biến, về ít nhất là 3 trong số 6 điều kiện trên: giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; đổi mới quản lý nhà nước qua chương trình cải cách hành chính sâu rộng. Đáng chú ý là 3 điều kiện tiền đề vừa nêu cũng trùng với 3 hướng đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010).

Thực vậy, phát triển nông nghiệp và nông thôn bằng ngay quá trình CNH, HĐH có điều kiện thực hiện được. Việc xây dựng kết cấu hạ tầng (điện, nước, đường sá, sân bay, bến cảng, trường học, bệnh viện v.v.) cũng có thể cải thiện trong các kế hoạch 5 năm tới. Duy vấn đề đầu tư công sức thế nào để cho giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ thực sự là nền tảng và động lực của sự phát triển, làm thế nào để sớm hình thành và định hình thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, làm thế nào để đổi mới căn bản công việc quản lý nhà nước thì vẫn còn nhiều khó khăn và bất cập; 5 năm qua đã bộc lộ rõ tiền bộ còn chưa theo kịp dự kiến kế hoạch đề ra, chưa nói đến mức cần tạo ra những bước tiến vượt bậc để đón những thời cơ thuận lợi có thể sẽ đến.

Nói tóm lại, năm (hoặc sáu) điều kiện tiền đề tập hợp ở trên phản ánh đủ các điều kiện cần thiết để phát triển theo hướng CNH, HĐH, song muốn đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH và tạo cơ sở cho bước phát triển nhanh hơn, bền vững hơn, cho những bước nhảy trong phát triển, cần đầu tư công sức nhiều hơn nữa cho 3 yếu tố: khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo, định hình kinh tế thị trường định hướng XHCN, cải cách hành chính đổi mới quản lý nhà nước.

#### b/Bước đi và quy hoạch

Mục tiêu CNH, HĐH là một mục tiêu tổng hợp nhiều yếu tố, không đơn thuần chỉ là tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế hay tỷ trọng công nghiệp chế tác trong công nghiệp mà còn bao gồm mức độ làm chủ công nghệ mới, công nghệ cao, trình độ học vấn, sức khoẻ, hưởng thụ văn hoá, tham gia sinh hoạt xã hội v.v. của người dân, trình độ văn minh, dân chủ, công bằng của xã hội và trên tất cả là một động cơ xã hội, động cơ con người gắn kết tất cả các yếu tố trên thành một tổng thể hài hoà, thống nhất.

Hiện nay, tiến trình CNH, HĐH còn đang diễn ra thiếu sự gắn kết ăn khớp theo không gian và thời gian. Trong thực tế, chiến lược phát triển kinh tế xã hội và chiến lược khoa học và công nghệ còn đang có bước so le nhất định; chương trình cải cách hành chính đã đi sâu vào những vấn đề phức tạp như phân cấp quản lý, chính phủ điện tử, nhưng nhiều công việc đề ra từ giai đoạn đầu vẫn chưa làm xong; cải cách kinh tế còn thiên về giải quyết từng yêu cầu trước mắt mà thiếu đề ra một lộ trình tổng thể. Vì vậy, không thấy rõ sự gắn kết tự nhiên giữa CNH và HĐH, giữa cải cách hành chính và cải cách kinh tế, chưa nói đến những cải cách cấp thiết khác. Nếu tiếp tục theo đà đi này thì có nhiều khả năng mục tiêu phấn đấu sẽ không đạt được đồng bộ, hoặc đơn giản là sẽ không đạt đúng thời hạn.

Muốn thực hiện được đồng bộ các mục tiêu, cần chia thời gian tiến hành CNH, HĐH thành những chặng đường, những bước đi ngắn hơn, trong mỗi chặng đường hay những bước đi đó đều có tính toán kết hợp các mục tiêu cụ thể và cân đối trên tổng thể các điều kiện đảm bảo thực hiện. Sự cân đối tổng thể các mục tiêu với các điều kiện thực hiện, trải ra và cụ thể hoá trong thời gian và không gian lãnh thổ để từng giai đoạn thời gian,

từng vùng lãnh thổ và trên bình diện tổng thể có thể đạt được các mục tiêu đề ra ở mức tốt nhất, đó là công tác quy hoạch. Đáng lẽ công việc này phải thực hiện khẩn trương ngay sau khi Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm được thông qua, song bây giờ bổ sung và hoàn thiện vẫn không quá muộn.

Trên đại thể, các chặng đường phát triển của nước ta có thể hình dung như sau. Mục tiêu lâu dài của chúng ta là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mục tiêu đó quyết định định hướng XHCN trong suốt quá trình phát triển. Mục tiêu khoảng trên dưới 15 năm tới là CNH, HĐH, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Mục tiêu này mang tính chất đường lối, yêu cầu CNH nhanh, gắn kết công nghiệp với công nghệ ở trình độ phát triển, kết hợp ngoại lực để phát huy nội lực, xây dựng và phát triển thể chế kinh tế mới, phát triển bền vững cả về xã hội và môi trường. Đến cuối giai đoạn chiến lược 10 năm (2001-2010), mục tiêu cơ bản là tạo nền tảng để 10 năm sau nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Mục tiêu đó đã được cụ thể hoá bằng một số chỉ tiêu định lượng và một số “chỉ tiêu” định tính.

Nếu hiểu Chiến lược phát triển là nghệ thuật sử dụng các nguồn năng lực của quốc gia để thực hiện những mục tiêu quốc gia trong một thời kỳ nhất định thì trong thực tế chỉ cần tiến hành nghiên cứu kỹ lưỡng về chiến lược phát triển quốc gia và không nhất thiết phải xây dựng chiến lược phát triển ngành hay lãnh thổ địa phương vì các định hướng phát triển ngành và địa phương cũng không trượt ra ngoài định hướng chiến lược chung, hơn nữa các yếu tố nguồn lực thường đan xen nhau không thể tách riêng rành mạch được. Vì vậy cái mà ngành và địa phương cần có trước hết là một bản quy hoạch phát triển 10 năm để thực hiện các mục tiêu của chiến lược chung và có tính toán đến tầm nhìn 2020.

Trong Chiến lược 10 năm (2001-2010) đã nêu ra một số chỉ tiêu phấn đấu (theo địa bàn và ngành, hàng), ít nhiều có kèm nội dung của một bản quy hoạch tổng thể, song trong thực tế những chỉ tiêu nêu ra mang ý nghĩa của những mục tiêu cụ thể hơn là những con số đã có tính toán cân đối tổng thể. Khi chuyển sang các quy hoạch ngành và địa phương, cần quan tâm đến tính khả thi của các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, đến sự cân đối tổng thể nhiều hơn. Trong đó, các chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng sử dụng vốn ngân sách nhà nước cần được cân đối chặt chẽ với điều kiện thực hiện, còn các chỉ tiêu về sản xuất, kinh doanh chỉ nên coi là những dự báo phát triển cần được rà soát lại thường xuyên 1-2 năm 1 lần để tránh cứng nhắc.

Như vậy, có thể hiểu quá trình CNH, HĐH ở nước ta chia làm 3 giai đoạn, 3 chặng đường có mục tiêu tương đối cụ thể.

Giai đoạn 1: từ 2000 đến 2010 là giai đoạn bắt đầu đẩy mạnh CNH, HĐH sau khi đã kết thúc thời gian chuẩn bị (xác định đường lối, mục tiêu, giải pháp chung) vào năm 2000. Mục tiêu năm 2010 là đặt nền tảng để 10 năm sau nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Những chỉ tiêu đề ra cho năm 2010 mặc nhiên là minh hoạ cho yêu cầu “đặt nền tảng” cho một nước công nghiệp (về cơ bản) vào năm 2020.

Tuy nhiên, muốn cho thành quả phát triển năm 2010 thực sự bảo đảm làm nền tảng cho giai đoạn CNH, HĐH sau, và đồng thời vừa tiến hành CNH, HĐH, vừa hoàn chỉnh các điều kiện tiền đề cần thiết, nên chú ý phối hợp đồng bộ về mấy mặt sau:

Về cơ cấu kinh tế, công nghiệp và dịch vụ chiếm đa số tuyệt đối trong cơ cấu GDP (trên 85%), đóng góp của khoa học, công nghệ trên 40% trong tăng trưởng GDP (hiện nay tạm ước tính trên 20%).

Về phát triển khoa học, công nghệ, hình thành ban đầu thể chế quản lý mới và hoàn chỉnh mạng lưới tổ chức nghiên cứu và triển khai khoa học, công nghệ, hình thành và vận hành thị trường công nghệ, có cơ chế cụ thể khuyến khích lao động khoa học.

Về thị trường, hình thành và định hình nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hình thành và vận hành các dạng thị trường dịch vụ, tài chính ngân hàng, bất động sản, công nghệ; bảo đảm thể chế hoàn chỉnh, hội nhập kinh tế thuận lợi.

Các yêu cầu về giáo dục đào tạo, về đời sống vật chất và tinh thần vừa bảo đảm các đòi hỏi về phát triển kinh tế, công nghệ, thị trường, vừa đạt các chỉ tiêu tương đương trong khu vực.

Giai đoạn 2 đến năm 2020 là giai đoạn cơ bản trong tiến trình CNH, HĐH, đạt mục tiêu cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo các tiêu chí đã đề xuất trong các phân trên. Yêu cầu “cơ bản” trở thành một nước công nghiệp không nên hiểu là các chỉ tiêu đều đạt “cơ bản”, thí dụ: 75% hay 85% mà nên quan tâm nhiều hơn đến những tiêu chí chủ yếu, có ảnh hưởng và tác động đến các tiêu chí khác, nhất là về cơ cấu kinh tế, phát triển khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo, hoàn thiện thị trường, phát triển tương ứng các khía cạnh văn hoá, xã hội.

Về cơ cấu kinh tế, điều khó khăn là nên đặt mục tiêu tỷ trọng nông nghiệp trong GDP thế nào là hợp lý. Có nhất thiết phải đưa tỷ trọng đó xuống mức 3-4% như ở các nước công nghiệp phát triển không? Ở đây, điều quan trọng hơn là phải đưa được phương pháp công nghiệp và công nghệ mới, công nghệ cao vào nông nghiệp, đưa năng suất nông nghiệp trên đơn vị diện tích khai thác và trên một lao động trực tiếp lên mức cao, để cho người lao động nông nghiệp và hộ sản xuất nông thôn có thu nhập xấp xỉ hoặc ngang bằng mức thu nhập chung của cả xã hội. Trên cơ sở đó, có thể hình dung, nếu năm 2010 tỷ trọng nông nghiệp chiếm trên dưới 15% GDP thì năm 2020 tỷ trọng đó sẽ xuống dưới 10%. (Ở Pháp, trong vòng hơn 30 năm, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP từ 30% giảm xuống còn 3%, song tỷ trọng khu vực chế biến nông sản lại từ 6-7% tăng lên trên 20%). Con số cụ thể sẽ chính xác hoá dần qua các kỳ kế hoạch.

Về khoa học, công nghệ, đến lúc kết thúc giai đoạn 2 chúng ta đã có một nền khoa học và công nghệ Việt Nam có tính tự chủ, tự giải quyết được những vấn đề khoa học và công nghệ do thực tiễn phát triển đặt ra và có đóng góp vào sự phát triển khoa học và công nghệ quốc tế, nghĩa là đủ sức tiếp thu và vận dụng thành tựu và kinh nghiệm khoa học công nghệ nước ngoài vào Việt Nam, tự nghiên cứu phát triển những công nghệ mới thích hợp ở Việt Nam và có thành tích nghiên cứu một số vấn đề đặc thù để đóng góp với quốc tế, nhất là những vấn đề liên quan đến môi trường thiên nhiên trong vùng và quá trình phát triển kinh tế, xã hội, nhân văn của đất nước. Thời kỳ này, kinh tế tri thức đã bắt đầu có vị thế quan trọng trong quá trình phát triển.

Về thị trường, giai đoạn 2 là giai đoạn hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, cuối giai đoạn có thể làm chủ thị trường đã phát triển hoàn thiện trong nước, đồng thời có thể hội nhập và cạnh tranh bình đẳng trên thị trường quốc tế, không lệ thuộc một cách thua thiệt vào các lực lượng thị trường bên ngoài.

Giai đoạn 3 là khoảng thời gian sau 2020 trở đi, thời hạn không xác định, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thiện quá trình CNH, HĐH và đặt nền tảng cho giai đoạn tiếp theo, giai đoạn hậu công nghiệp và kinh tế tri thức. Vì mục tiêu giai đoạn 2 mới là đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại nên chưa thể coi là nhiệm vụ CNH, HĐH đã hoàn thành. Hơn nữa, sự phát triển kinh tế và khoa học công nghệ của thế giới còn nhiều vấn đề chưa lường trước được nên việc hoàn thiện CNH, HĐH chắc chắn còn đặt ra nhiều bài toán mới mà phải qua từng chặng đường mới có thể nắm bắt, nhận diện và đề xuất giải pháp. Vì vậy, những vấn đề mục tiêu, phương châm, giải pháp v.v. phải giành cho giai đoạn sau xác định.

c/Vài vấn đề đáng quan tâm trong chỉ đạo thực hiện CNH, HĐH

Ngoài 2 vấn đề nêu trên, còn nhiều vấn đề khác mà việc chỉ đạo thực hiện đường lối và nhiệm vụ CNH, HĐH cần nghiên cứu, song có 2 vấn đề sau cần lưu ý:

- Nhiều vấn đề khó lường trước trong môi trường quốc tế đầy biến động sẽ xuất hiện, không những ở giai đoạn 3 mà ở tất cả các giai đoạn CNH, HĐH; không những do những nguyên nhân hoàn toàn kinh tế hoặc công nghệ mà còn do các biến động chính trị, môi trường, v.v. có thể tạo ra những cuộc suy thoái, tiểu khủng hoảng, giảm phát, biến động giá cả, đối tác v.v. Để có thể ứng phó mà không bị thiệt hại trước những biến động khó lường trước đó cần kiên trì sự nhất quán về chính sách (phát triển bền vững, hội nhập chủ động, cải cách sâu rộng) đồng thời sớm tạo dựng cho mình một vốn liếng kinh tế, công nghệ và con người ngày càng dày dặn và một thế đứng vững chắc và tự tin.

- Trong các nhiệm vụ và mục tiêu CNH, HĐH, điều khó khăn lớn là làm thế nào để tăng trưởng nhanh. Với mức độ tính toán hiện nay (tăng trưởng 7,2%/năm, mỗi lần 10 năm GDP tăng gấp đôi) thì GDP bình quân đầu người năm 2020 mới đạt trên dưới 2000 USD, nếu tính theo PPP cũng chỉ đạt 7000 USD, tương đương với nước Tunisie hay Peru hiện nay về GDP tính theo tỷ giá hiện hành và với cộng hoà Dominican hoặc Columbia hiện nay về GDP tính theo PPP. Với mức thu nhập đó, không những khó hình dung nổi sẽ là một nước công nghiệp kiểu nào mà thực chất khả năng kinh tế ấy sẽ khó có thể bảo đảm một sự phát triển thực sự bền vững, văn hoá mở mang, bộ mặt mới mẻ, xã hội văn minh hiện đại. Đó có thể là mức sống no đủ, chưa được là dân giàu nước mạnh (về cơ bản).

Muốn đạt được mức tương đương với Hàn Quốc năm 2000-2001 (vào CLB OECD), GDP bình quân đầu người tương ứng là 8900 USD và 15 000 USD, thì chỉ tăng trưởng tiệm tiến là không thực hiện được. Không còn cách nào khác là phải chuẩn bị điều kiện tốt nhất để khi có thời cơ tranh thủ tạo bước nhảy về kinh tế (không loại trừ khả năng lợi dụng tỷ giá hối đoái so với các ngoại tệ mạnh), đi lên từng bước từ nước kém phát triển lên lớp trung bình đang phát triển, lớp trung bình thế giới, lớp trung bình khu vực để mon men dần lên sát với cận thấp của các nước phát triển. Cho nên biện pháp có tính chiến lược ở đây là lựa chọn những điều kiện tiên đề mấu chốt, tập trung sức nâng cao năng lực ở những lĩnh vực đó để luôn sẵn sàng chuẩn bị.

Trên đây là một số ý kiến không đầy đủ xung quanh vấn đề CNH, HĐH xin cung cấp để tham khảo.